BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Chương I.
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
1. Phạm vi điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ
1. Bạo lực gia đình.
2. Mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình
3. Thành viên gia đình
4. Các dạng bạo lực gia đình
5. Cấm tiếp xúc
6. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.
7. Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình
8. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
9. Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
10. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

Điều 3. Các dạng hành vi bạo lực gia đình
1. Dạng bạo lực thể xác
2. Dạng bạo lực tinh thần
3. Dạng bạo lực kinh tế
4. Dạng bạo lực tình dục
5. Các dạng bạo lực khác

Điều 4. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình

1. Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

2. Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

3. Người đứng đầu chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về phòng, chống bạo lực gia đình trong phạm vi quản lý nhà nước.

4. Nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ.

5. Tổ chức cá nhân có đóng góp tích cực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình thì được biểu dương, khen thưởng; thoái thác trách nhiệm thì bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Những hành vi bị cấm

1. Các hành vi bạo lực gia đình quy định tại Luật này.

2. Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

3. Sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.

4. Trả thù, đe doạ trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

5. Cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

6. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hoạt động trái pháp luật.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình

1. Các quyền

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ

Điều 7. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của nạn nhân bạo lực gia đình

1. Các quyền

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ

Điều 8. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Nguồn kinh phí

2. Xã hội hóa và quỹ hỗ trợ khẩn cấp nạn nhân bạo lực gia đình

3. Khuyến khích việc nghiên cứu, sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình các cấp.

5. Hỗ trợ bồi thường thiệt hại về tài sản và tổn hại về sức khỏe cho người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Khen thưởng trong phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 9. Hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Hình thức hợp tác quốc tế

2. Nội dung hợp tác quốc tế

Chương II.
PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Mục 1.
THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 10. Nguyên tắc và mục đích, yêu cầu của thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Nguyên tắc
2. Mục đích
3. Yêu cầu

Điều 11. Đối tượng, nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Đối tượng thông tin, tuyên truyền
2. Nội dung thông tin, tuyên truyền

Điều 12. Các hình thức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình

Mục 2.
HÒA GIẢI TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 13. Nguyên tắc hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 14. Hoà giải do gia đình, dòng họ tiến hành

Điều 15. Hoà giải do cơ quan, tổ chức tiến hành

Điều 16. Hoà giải do tổ chức hòa giải ở cơ sở tiến hành

Mục 3.
TƯ VẤN, GÓP Ý, PHÊ BÌNH TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ MÔ HÌNH VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 17. Tư vấn về gia đình ở cơ sở

1. Đối tượng được tư vấn
2. Tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn
3. Hình thức tư vấn
4. Nội dung tư vấn
5. Chính sách của nhà nước với người tham gia tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 18. Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư

1. Đối tượng bị góp ý, phê bình
2. Nội dung, hình thức góp ý, phê bình
3. Tổ chức, cá nhân tham gia góp ý, phê bình
4. Các biện pháp đảm bảo góp ý, phê bình

Điều 19. Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

1. Phạm vi và nguyên tắc hoạt động
2. Nội dung hoạt động và hình thức hoạt động
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Chương III.
BẢO VỆ VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Mục 1.
CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ, HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 20. Phát hiện, báo tin và xử lý thông tin về bạo lực gia đình
1. Trách nhiệm của người phát hiện vụ việc bạo lực gia đình
2. Trách nhiệm của người khi nhận tin báo về bạo lực gia đình
3. Hình thức báo tin về bạo lực gia đình
4. Xử lý tin báo về bạo lực gia đình

Điều 21. Biện pháp ngăn chặn và bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình
1. Biện pháp ngăn chặn
2. Biện pháp bảo vệ

Điều 22. Cấm tiếp xúc
1. Những trường hợp áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc
2. Thẩm quyền cấm tiếp xúc
3. Thời hạn cấm tiếp xúc
4. Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc
5. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc

Điều 23. Giám sát thực hiện quyết định cấm tiếp xúc

Điều 24. Chăm sóc, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình

1. Chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình
2. Hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Yêu cầu đối với nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.
4. Chi phí cho chăm sóc, bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình.

Điều 25. Hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình
1. Hình thức hỗ trợ
2. Nguồn kinh phí hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2.
CƠ SỞ TRỢ GIÚP NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH, NGƯỜI CÓ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 26. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình
1. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình
2. Chính phủ quy định chi tiết
Điều 27. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
Điều 28. Cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở trợ giúp xã hội
Điều 29. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình
Điều 30. Sơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
Điều 31. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng

Chương IV.
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 32. Cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình
1. Nội dung cơ sở dữ liệu
2. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình
3. Cơ chế phối hợp chia sẻ dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình
4. Chính phủ quy định chi tiết
Điều 33. Cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình
1. Nội dung phối hợp
2. Hình thức phối hợp
Điều 34. Mạng lưới phòng, chống bạo lực gia đình
Điều 35. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình
Điều 36. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình
Điều 37. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức
Điều 38. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp
Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Y tế
Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan thông tin đại chúng
Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Tài chính
Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp
Điều 46. Trách nhiệm của cơ quan Công an,
Điều 47. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân
Điều 48. Trách nhiệm của cá nhân
Điều 49. Trách nhiệm của gia đình
Điều 50. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên
Điều 51. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Điều 52. Trách nhiệm của Trung ương Hội nông dân Việt Nam và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 53. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Các biện pháp xử lý
2. Đối tượng bị xử lý
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Điều 54. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng bắt buộc

1. Đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục
2. Điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục
3. Nội dung giáo dục người có hành vi bạo lực gia đình tại xã/phường/thị trấn và cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 55. Một số biện pháp khác

Điều 56. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chương VI.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.
2. Luật này thay thế Luật phòng, chống bạo lực gia đình ban hành ngày 21/10/2007.

Điều 58. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.